

DI SẢN ĐỂ LÀM GÌ VÀ MỘT SỐ CÂU CHUYỆN QUẢN LÝ DI SẢN Ở VIỆT NAM

TS. BÙI HOÀI SƠN*

Trước đây, tôi có viết bài “Di sản cho ai và câu chuyện về việc tổ chức lễ hội truyền thống ở Việt Nam”¹. Bài viết đi tìm kiếm chủ nhân thực sự của di sản, trong đó, lễ hội truyền thống được lấy làm ví dụ cụ thể. Tuy nhiên, bài viết mới chỉ đề cập đến một phần nhỏ trong những câu chuyện về di sản ở Việt Nam. Một vế tiếp theo, không kém phần quan trọng, nằm ở câu hỏi: Di sản để làm gì? Không phải đợi đến lúc những tranh cãi xoay quanh vấn đề bảo tồn đền Xá Tắc², những ngôi nhà cổ ở làng Đường Lâm³ (Hà Nội) thì câu chuyện di sản để làm gì mới trở thành vấn đề gây tranh cãi giữa những người nghiên cứu, quản lý di sản với nhau và với các bên liên quan, mà vấn đề này đã tồn tại từ rất lâu và thực sự ít ai có thể đưa ra một câu trả lời thích đáng. Mỗi bên liên quan đều lấy những lý do được cho là hợp lý của mình để biện minh cho những giải pháp do mình đưa ra, vì thế, các xung đột “lợi ích” đã dẫn đến khác biệt trong nhận thức và giải pháp đối với di sản. Chúng tôi cho rằng, câu trả lời cho câu hỏi di sản để làm gì? Phần nào sẽ trở thành chiếc chìa khóa để giải quyết những xung đột và mâu thuẫn đó.

Nhìn chung, phần nào chúng ta thường thừa nhận với nhau rằng, di sản có giá trị đối với một quốc gia, dân tộc. Tuy nhiên, di sản do đâu mà có và vai trò của nó đến đâu trong xã hội đương đại thì thường ít người suy nghĩ một cách thấu đáo để làm nền tảng cho những phân tích kỹ hơn về di sản. Với chúng ta, di sản được xem là những sản

phẩm của quá khứ. Tuy nhiên, phần nào chúng ta cũng đồng ý với nhau rằng, không phải sản phẩm nào trong quá khứ cũng được xem là di sản. Thông thường, chúng ta hiểu là di sản ít nhất phải qua một quá trình chọn lọc từ quá khứ, với 3 yếu tố then chốt là lịch sử, ký ức và báu vật, trong đó, lịch sử là sự ghi lại những khía cạnh được lựa chọn của quá khứ, ký ức là những lưu giữ quá khứ của cá nhân và cộng đồng dưới hình thức văn hóa dân gian, còn báu vật là những hiện vật của quá khứ tồn tại trong xã hội hiện tại như các đồ tạo tác, tác phẩm nghệ thuật, công trình kiến trúc... Sau khi lựa chọn, cả 3 yếu tố này được xã hội thuyết minh theo những cách thức nhất định, phụ thuộc vào hệ tư tưởng, trình độ nhận thức và những lợi ích khác nhau mà xã hội ấy đề cao để từ đó thừa nhận một hệ thống di sản. Nói tóm lại, mỗi xã hội sẽ có cách quan niệm về di sản riêng của mình, và di sản không phải là cái gì đó bất biến qua thời gian và không gian. Có những di sản của hôm qua nhưng hôm nay không được xem là di sản nữa, và ngược lại, có những thứ trước kia không được xem là di sản thì ngày nay có thể lại trở thành di sản. Di sản trở thành những mắt xích quan trọng để xã hội hiện tại trả lời cho quá khứ, hiện tại và tương lai về những gì họ muốn thấy, muốn giữ gìn cũng như biện minh cho chính sự tồn tại của xã hội ấy.

Khi bàn về di sản, chúng ta hay nói đến việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản nhằm:

- Xác định, củng cố và tôn vinh những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc: di sản được xem là mang giá trị truyền thống của một cộng đồng,

* Phó Viện trưởng
Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam

một dân tộc, chính vì vậy, khi lựa chọn di sản, chúng ta cũng đồng thời xác định những gì cộng đồng, dân tộc muốn tôn vinh. Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là một ví dụ. Khi chúng ta xác định tín ngưỡng này là di sản và đề nghị cộng đồng quốc tế thừa nhận qua tổ chức của mình là UNESCO, thì chúng ta cũng mong muốn xác định, củng cố và tôn vinh một truyền thống đặc biệt của người Việt nói riêng và ngụ ý cho cả dân tộc nói chung. Chính qua việc xác định, định danh di sản, chúng ta đã hàm ý củng cố và tôn vinh những giá trị truyền thống mà di sản đó đại diện;

- Tạo ra những bằng chứng khoa học về lịch sử của một cộng đồng, dân tộc: Lựa chọn, xác định và vinh danh di sản cũng đồng thời là một hình thức chứng thực cho di sản theo một cách thức nào đó. Cho dù nhiều người thừa nhận rằng, di sản không phải lúc nào cũng đồng nghĩa với sự thật hay chân lý (đặc biệt là các di sản văn hóa phi vật thể) thì đa số chúng ta đều xem di sản là một bằng chứng lịch sử. Thành nhà Hồ hay Hoàng thành Thăng Long trở thành di sản quốc gia và quốc tế vì nó được coi là những bằng chứng lịch sử về những thời kỳ nhất định của dân tộc. Nhiều nỗ lực công nhận di sản cũng nhằm mục đích tạo ra bằng chứng khoa học cho các di sản này. Đó là lý do tại sao nhiều quốc gia luôn mong muốn và nỗ lực để tổ chức quốc tế như UNESCO công nhận di sản của mình, như một hình thức chứng thực di sản của cộng đồng họ. Đền Preah Vihear của Campuchia đã được UNESCO công nhận, hay Nhật Bản tính đưa Senkaku/Điếu Ngư ra UNESCO để công nhận di sản cũng thuộc những lý do này. Trong trường hợp, các di sản tồn tại như một sự thực khách quan, được biện giải bởi những chứng cứ khoa học và lịch sử thì chúng ta cũng đồng ý rằng: khi lịch sử được xử lý thành di sản, bằng chứng khoa học phần nào đã mất đi giá trị của nó, để "di sản tạo ra hiện thực riêng cho nó";

- Đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân: Sau nhiều năm dồn sức cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giờ đây, người dân đã có thời gian, vật lực và tài lực để chú ý hơn đến nhu cầu sinh hoạt tinh thần của mình. Đến với các di sản văn hóa để thực hành tín ngưỡng, tham quan, du lịch là một trong số những sinh hoạt ấy. Việc Nhà nước có chủ trương bảo tồn và phát huy giá trị di sản đã đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của người dân ở nhiều địa phương, vì vậy, đến lượt mình, người dân cũng tạo điều kiện cho việc bảo tồn và phát huy

giá trị di sản. Rất nhiều di sản đã huy động được sự tham gia đóng góp của cộng đồng để có thể bảo tồn và phát huy tốt hơn nữa di tích của mình. Những ví dụ sinh động về các di tích, như đền Bà Chúa Xứ ở An Giang, đền Bà Chúa Kho ở Bắc Ninh, phủ Dầy ở Nam Định,... hàng năm huy động nhiều tỷ đồng là minh chứng cho sự tham gia của người dân trong việc bảo tồn di tích;

- Tăng cường ý thức của người dân về việc giữ gìn di sản: Sự quan tâm của Nhà nước đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản cũng giúp cho người dân có ý thức hơn về di sản của chính mình. Rõ ràng, những tác động bên ngoài đôi khi rất tích cực đối với người dân của chính cộng đồng đối với di sản của họ. Với cổng chiêng Tây Nguyên chẳng hạn, người dân các tộc người ở Tây Nguyên dường như đã có ý thức rõ hơn về tầm quan trọng của cổng chiêng sau khi UNESCO công nhận di sản văn hóa này vào năm 2005. Nạn chảy máu cổng chiêng giảm bớt, người dân quan tâm hơn đến những sinh hoạt cổng chiêng của mình. Nếu không có sự công nhận di sản này, chúng ta có thể tin rằng, di sản văn hóa cổng chiêng Tây Nguyên sẽ mai một hơn hiện nay rất nhiều. Cũng như vậy với các trường hợp khác ở tất cả mọi nơi. Khi các di sản của họ được công nhận cũng là lúc họ để ý hơn đến giá trị di sản của mình, và từ đó, nỗ lực giữ gìn và phát huy giá trị di sản ấy hơn. Đó là một thực tế không ai chối cãi!;

- Góp phần làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân: Các sinh hoạt liên quan đến di sản, như lễ hội truyền thống, du lịch về nguồn... thực sự đã làm phong phú sinh hoạt tinh thần của người dân, bù đắp cho các sinh hoạt văn hóa hàng ngày của họ, vốn quá lệ thuộc vào các phương tiện truyền thông, hay các yếu tố bên ngoài. Chúng ta có thể có những ý kiến khác nhau về việc đi dự lễ hội, đến các đền, chùa mỗi dịp đầu năm, nhưng chúng ta vẫn có thể nhất trí với nhau rằng, chính những sinh hoạt liên quan đến di sản này đã khiến chúng ta có ý thức về truyền thống và các giá trị truyền thống. Việc đi lễ đền Hùng, đền Kiếp Bạc, hội chùa Hương, đền Bà Chúa Xứ... sẽ giúp làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của người dân hơn rất nhiều so với việc chỉ ở nhà để tận hưởng những chương trình do tivi đem lại hay quanh quẩn với những chương trình ca nhạc, bóng đá, phim ảnh, siêu thị... vốn có rất nhiều ở các đô thị hiện đại;

- Giúp cộng đồng, người dân ý thức về cội nguồn, từ đó tạo tinh thần đoàn kết cộng đồng: Khi chúng ta luôn nhấn mạnh rằng, di sản mang những giá trị truyền thống của một cộng đồng thì đồng thời chúng ta cũng ngụ ý rằng, nó là cội nguồn lịch sử được chia sẻ bởi rất nhiều người trong cộng đồng đó. Việc quy chiếu về chung một lịch sử, chung một tổ tiên là cách thức phổ biến trong việc tạo ra tinh thần đoàn kết dân tộc. Đó cũng chính là cách thức mà dân tộc Việt xây dựng nên hình tượng Hùng Vương để tạo nên sức mạnh văn hóa chống lại ảnh hưởng của đế quốc khổng lồ phương Bắc, và thực sự đã đem lại những thành công đáng kể. Đó là trên phương diện quốc gia. Điều này cũng đúng ở phương diện các cộng đồng nhỏ hơn, khi đó, các di sản văn hóa của họ, như lễ hội, đình, đền, miếu... với những vị Thành hoàng được thờ phụng chung, là sợi dây đoàn kết cộng đồng. Người dân có cùng những điểm chung về di sản sẽ dễ đoàn kết với nhau hơn, dễ dàng chia sẻ với nhau hơn trong cuộc sống!

- Tạo sản phẩm để phát triển du lịch, kinh tế - xã hội của địa phương: Hiện nay, bối cảnh kinh tế - xã hội mới đã mang lại cho di sản những chức năng mới. Một trong những chức năng đó là di sản được xem như nhân tố kích thích sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đó là lý do tại sao lễ hội chọi trâu Đồ Sơn năm 1990 được lựa chọn phục hồi để thu hút du khách đến với Đồ Sơn - lúc đó là một trong những điểm nhấn của du lịch ở miền Bắc. Bên cạnh đó, phải thừa nhận rằng, hàng loạt lễ hội được mở ra, các di tích được làm mới, không chỉ thuần túy vì lý do văn hóa, tâm linh mà còn vì cả những lý do kinh tế. Những lễ hội lớn như hội chùa Hương, Bà Chúa Kho, hay như hội đền Hùng cũng được xem như những tác nhân kích thích sự phát triển kinh tế của cả cộng đồng dân cư địa phương. Nhiều địa phương còn mong muốn mình trở thành thành phố lễ hội để thu hút khách du lịch, kích thích sự phát triển các ngành kinh tế. Đối với các lễ hội hay di tích nhỏ, thậm chí chỉ ở quy mô cấp làng, người dân và chính quyền địa phương cũng nghĩ đến những yếu tố như vậy;

- Quảng bá hình ảnh địa phương thông qua di sản: Đây cũng là một mục đích khác của việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Di sản là một lợi thế so sánh của rất nhiều địa phương, di sản mang tính độc đáo, không thể cạnh tranh được. Di sản văn hóa được kết tinh trong lịch sử và tồn tại ở xã hội

hiện tại, di sản thể hiện bản sắc của một cộng đồng trong khi giá trị của cuộc sống hiện đại ở các địa phương đang trong quá trình hình thành và chưa xác lập được chỗ đứng. Chính vì lý do đó, các địa phương luôn muốn gắn/thể hiện mình qua các thương hiệu di sản quá khứ. Hưng Yên muốn khẳng định mình với đặc trưng mảnh đất phố Hiến, Huế đi tìm hình ảnh của một mảnh đất đã từng là kinh đô, Quảng Nam quảng bá hình ảnh của mình qua Hội An và Mỹ Sơn, Phú Thọ là đền Hùng, An Giang là đền Bà Chúa Xứ... Đây cũng là lý do tại sao các địa phương luôn tìm cách để di sản của họ có được những danh hiệu tôn vinh tầm quốc gia và quốc tế.

Như vậy, di sản có rất nhiều mục đích, trong đó có những mục đích không đơn thuần chỉ về văn hóa mà còn về chính trị, kinh tế hay xã hội. Không ý thức được về các mục đích đa dạng này và chỉ nhìn nhận di sản ở góc nhìn văn hóa sẽ dẫn đến những sai lầm trong cách thức quản lý di sản.

Tuy vậy, ý thức về các mục đích đa dạng cũng chưa phải là câu trả lời cuối cùng cho câu hỏi: di sản để làm gì? Vì xét cho cùng, trong những trường hợp cụ thể, chúng ta mới có thể có những giải pháp hay câu trả lời thích hợp nhất cho trường hợp đó.

Ngoài câu chuyện mọi di sản đều là tài sản của hiện tại và do hiện tại góp phần tạo nên như câu chuyện lựa chọn và thuyết minh đã nói ở trên, thì di sản đang tồn tại trong một xã hội có rất nhiều xung đột lợi ích diễn ra. Những lợi ích này nhiều khi trái ngược nhau đến mức một bên lựa chọn di sản thì bên kia lựa chọn loại bỏ di sản (được biện minh bằng thuật ngữ phát triển).

Lễ hội phát ấn đền Trần là một ví dụ cho thấy mục đích khác của việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Với một số người, tục phát ấn ở đền Trần hiện nay không giống như những gì nó đã diễn ra trong quá khứ, thậm chí có người cho rằng, không hề có lễ phát ấn đền Trần trong lịch sử. Câu chuyện này liên quan đến thuật ngữ tính chân thực của di sản. Với khái niệm này, một số học giả quốc tế, đặc biệt ở các nước nói tiếng Anh, như Herbert, Tunbridge và Ashworth, Hitchcock,... không cho rằng tính chân thực của di sản, trong đó có những di sản văn hóa phi vật thể, lại quá quan trọng trong việc quản lý và phát huy di sản. Một trong những ví dụ tiêu biểu minh họa cho tính chân thực của di sản không quan trọng đối với việc quản lý, khai thác



Chùa Dinh Lan, Hành Thiện - Nam Định - Ảnh: Quốc Vụ

và phát huy di sản là trường hợp bảo tàng dành cho thám tử Sherlock Holmes ở phố Baker, London và khu rừng ở Nottingham của Robin Hood, hai sản phẩm qua trí tưởng tượng của các nhà văn Anh đã trở thành di sản thu hút khách du lịch ở nước này. Dù rằng hai nhân vật Sherlock Holmes và Robin Hood không có thật trong lịch sử, nhưng do nhu cầu của xã hội hiện đại, những câu chuyện kể cả những vật dụng của hai nhân vật trên được hiện thực hoá như ngôi nhà của Sherlock Holmes ở phố Baker, với các vật dụng của ông như chiếc gậy, cái mũ, những quyển sách... hay khu rừng được cho là nơi từng diễn ra những cảnh "cướp của người giàu chia cho người nghèo" của Robin Hood. Liên quan đến tính chân thực của di sản, các nhà khoa học cũng bàn nhiều đến khái niệm di sản như một sự thật mang tính lịch sử. Khi chúng ta nói về "di sản như là một sự thực mang tính lịch sử", chúng ta cũng cần lưu ý đến một quan điểm khoa học là, chân lý khách quan phụ thuộc vào hoàn cảnh (không gian - thời gian - cách tiếp cận), và có sự tồn tại của một vài chân lý khách quan (tức là không có chân lý duy nhất). Quay trở lại với câu

chuyện về lễ hội phát ấn đền Trần hay một số lễ hội truyền thống khác ở nước ta, nhiều lễ hội được xem là truyền thống hiện nay được xây dựng trên những truyền thuyết lịch sử của cộng đồng địa phương nhằm tôn vinh truyền thống địa phương, các truyền thuyết đó có thể có thật, cũng có thể không có thật, nhưng theo cách tiếp cận trên, yếu tố thật hay không thật không thực sự quan trọng trong bối cảnh hiện tại, vấn đề quan trọng là chúng ta quản lý, phát huy lễ hội truyền thống đó như thế nào, hoặc cần phải chú ý vào chức năng của lễ hội trong xã hội đương đại.

Mặt khác, một trong những nguyên tắc của bảo tồn là giữ nguyên trạng di sản hay nói cách khác là bảo tồn nguyên vẹn. Những người theo quan điểm này cho rằng, những sản phẩm của quá khứ nên được bảo tồn nguyên vẹn như nó vốn có để tránh tình trạng thế hệ hiện tại làm méo mó, biến dạng di sản. Mỗi di sản chứa đựng những giá trị văn hóa - xã hội nhất định mà không phải lúc nào thế hệ hiện tại cũng có thể hiểu biết một cách cụ thể để có thể phát huy những giá trị ấy một cách thích hợp. Không những thế, những tác động

của ngày hôm nay sẽ tạo nên những lớp văn hóa khác không trùng nghĩa với lớp văn hóa mà thế hệ trước chuyển giao cho thế hệ sau, vì thế, có thể làm cho các thế hệ sau nữa không thể truy nguyên được những giá trị của di sản đang tồn tại. Mục đích tối thượng là bảo tồn toàn bộ những gì có thể bảo tồn được và đây là một đòi hỏi về mặt đạo đức, vì thế có một mâu thuẫn cố hữu giữa bảo tồn và phát triển. Những tác động của sự bảo tồn phản lại chức năng sẽ sinh ra những vấn đề phát sinh thứ cấp. Đối với trường hợp của một số di tích, việc sửa chữa như thế nào để giữ lại vẻ đẹp, giá trị nguyên gốc của nó mà một bài toán khó, trong khi, những tác hại do thời tiết là những yếu tố có tác động ngay lập tức đối với sự tồn tại của di sản. Chờ đến khi các nhà quản lý thống nhất xong phương án sửa chữa e rằng quá muộn! Vì thế đã khiến người ta một lần nữa nghĩ lại về nguyên tắc bảo tồn nguyên vẹn di sản: thế nào là nguyên vẹn và nguyên vẹn đến đâu?

Như vậy, để trả lời cho câu hỏi di sản để làm gì, tôi cho rằng, chúng ta bảo tồn và phát huy giá trị di sản vì nhiều mục đích khác nhau. Mục đích đó có thể là văn hóa, chính trị, xã hội hay bất kỳ một lý do nào khác, trong đó có nhiều mục đích có thể xảy ra và trái ngược nhau. Vì vậy, chúng ta cần cân nhắc để có cách bảo tồn và phát huy cụ thể ở những trường hợp cụ thể. Không thể có một giải pháp chung, máy móc cho tất cả các di sản. Các di sản mang tính đa nghĩa, nhiều mục đích và không ổn định qua thời gian. Di sản là một sự lựa chọn có thể theo hoặc không theo, không có mục đích nào được xem là tối thượng, hoàn toàn đúng. Di sản là một chức năng và vì vậy là một lựa chọn cho phát triển: chính vì thế không có một sự mâu thuẫn cố hữu giữa bảo tồn và phát triển. Kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di sản không thể tách rời khỏi các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội khác./

B.H.S

Chú thích:

- 1- *Tạp chí Di sản văn hóa*, Số 3/2010, Tr. 10 - 14.
- 2- Đền Xã Tắc là loại đền tế được lập để tế thần Đất, thần Nông. Theo các nhà sử học, Việt Nam có 3 đền Xã Tắc tại Huế, Hoa Lư và Hà Nội. Đền Xã Tắc tại kinh thành Thăng Long được lập từ thời vua Lý Thái Tông (năm Mậu Tý 1048), đến sau thời vua Lê Chiêu Thống (1788) thì mất dấu. Sau hơn hai trăm năm mất dấu, đền này tình cờ được các nhà khảo cổ phát hiện vào cuối năm 2006, khi xây dựng vành đai 1, đoạn Kim Liên - Ô Chợ Dừa. Hiện nay, đang có tranh luận về việc có xây dựng cầu vượt ở địa điểm này để giải quyết việc ách tắc giao thông hay không, để bảo tồn khu vực di tích này.

3- Thời gian gần đây, nhiều người dân ở làng cổ Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, đã viết đơn kiến nghị gửi các cơ quan chức năng về việc xin trả lại danh hiệu "Di tích quốc gia" cho Nhà nước vì không được xây dựng, coi nơi nhà ở, sinh hoạt khó khăn.

Tài liệu tham khảo:

- 1- Ashworth, G. J., (1997), "Elements of planning and managing heritage sites", in *Nuryanti, W., 'Tourism and Heritage Management'*, Gadjah Mada University Press, pp. 165 - 191.
- 2- Garrod, B, and Fyall, A. (2000), *Managing heritage tourism, Annals of Tourism Research*, Volume 27, Issue 3, July 2000, Pages 682 - 708.
- 3- Herbert, D. T. (ed.) (1995), *Heritage, Tourism and Society*, London: Mansell Publishing Limited.
- 4- Hitchcock, M. (1997), "Heritage for whom? Tourism and Local Communities", in *Nuryanti, W. (1997), 'Tourism and Heritage Management'*, Gadjah Mada University Press, pp. 201 - 211.
- 5- Ringer, G. (ed.) (1998), *Destinations: Cultural Landscapes of Tourism*, London, Routledge.
- 6- Shackley M (2001), "The legend of Robin Hood: Myth, Inauthenticity, and Tourism Development in Nottingham, England", in *Smith V. L., and Brent M., (eds.) Hosts and Guests Revisited: Tourism Issues of the 21st Century*. New York: Cognizant Communication Corporation, pp. 315 - 322.
- 7- Tunbridge, J. E., and Ashworth G. J. (1996), *Dissonant Heritage: The Management of the Past as a Resource in Conflict*, Chichester, John Wiley & Sons.

(Ngày nhận bài: 1/6/2013; Ngày phản biện đánh giá: 12/7/2013, Ngày duyệt đăng bài: 1/8/2013).

Bùi Hoài Sơn: What is Heritage for? And its Implications to Heritage Management in Vietnam

Arising from the question of what is heritage for, the paper mentions different purposes to safeguard and promote heritage in contemporary society. The author shows that, it is needed to safeguard and promote heritage for many different purposes. These purposes can be cultural, political and social ones or any other reasons. Heritage is a function, and thus it is a selection for development: there is no permanent conflict between safeguarding and development. The plan of safeguarding and promotion can be separate from other social and economic development plans.